

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 27/12/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về đòi tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Phụng L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lý Văn L1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Bà Thái Thị Phụng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Thái Thị Phụng L trình bày:

Bà và ông Lý Văn L1 chung sống với nhau vào năm 2011, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 15/5/2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thời gian dịch bệnh, bà phải làm việc ba tại chỗ tại Công ty thì ông L1 không cho con ruột bà vào nhà ông L1. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L1.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Không có.

Về tài sản riêng: Khi về chung sống với ông L1, bà có chuyển nhượng phần đất riêng được số tiền 25.000.000 đồng. Do ông L1 bị chồng cũ tạt a-xít phải điều trị bệnh thiếu nợ và ông L1 hỏi mượn bà để trả nợ số tiền 20.000.000 đồng và 5.000.000 đồng dùng để mua dụng cụ sửa xe. Từ khi mượn đến nay, ông L1 chưa trả cho bà. Thời điểm cho ông L1 mượn tiền vào năm 2011 thì vàng có giá 300.000 đồng/chỉ 24K tương đương 84 chỉ vàng. Hiện nay, vàng giá 5.500.000 đồng nên 84 chỉ vàng tương đương số tiền 462.000.000 đồng. Nay bà yêu ông L1 trả cho bà 462.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lý Văn L1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà L là đúng về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày là không đúng. Do thời điểm trước dịch bệnh, ông có cất nhà cho bà L cùng con riêng bà L ở chung trên đất người ta cho ở nhờ. Khi dịch bệnh, con bà L có đến gửi đồ đạc tại nhà ông nên ông có nói đem về nhà bà L để. Từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay ông đồng ý ly hôn với bà L. Khi ly hôn về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của bà L đòi ông trả số tiền 462.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông không có mượn tiền của bà L.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 33, 43, 46, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thái Thị Phụng L và ông Lý Văn L1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của bà L đòi ông L1 phải trả số tiền 462.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2022, bà Thái Thị Phụng L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 84 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Thái Thị Phụng L trình bày: Bà yêu cầu ông L1 trả tiền cho bà số tiền đã mượn để bà mua đất.

Ông Lý Văn L1 trình bày: Ông đồng ý trả cho bà L 02 chỉ vàng 24K 9999.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thái Thị Phụng L. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông Lý Văn L1 đồng ý trả cho bà Thái Thị Phụng L 02 chỉ vàng 24K 9999. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 19-9-2022, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 20-9-2022, nguyên đơn bà Thái Thị Phụng L có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà L còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà L thấy rằng: Bà L cho rằng năm 2011 bà trả nợ thay cho ông L1 số tiền 20.000.000 đồng và cho ông L1 vay không tính lãi số tiền 5.000.000 đồng. Ông L1 không thừa nhận nợ bà L số tiền 25.000.000 đồng vào năm 2011 như bà L trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L đòi ông L1 trả số tiền 462.000.000 đồng là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho việc ông L1 có nợ bà 25.000.000 đồng vào năm 2011 nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông L1 đồng ý trả cho bà L 02 chỉ vàng 24K 9999 nên ghi nhận. Tại phiên tòa bà L thay đổi nội dung kháng cáo bà yêu cầu ông L1 trả tiền cho bà số tiền đã mượn để bà mua đất. Nên sửa án phí sơ thẩm dân sự bà L phải chịu.

[4] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thái Thị Phượng L. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ/HNGĐ-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lý Văn L1 phải chịu 530.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị Phượng L phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí dân sự theo Biên lai thu số 0024448 ngày 16-6-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tây Ninh. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn trả cho bà L số tiền 10.290.000 đồng.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thái Thị Phượng L kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, 43, 46, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thái Thị Phượng L.
2. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.
3. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thái Thị Phượng L và ông Lý Văn L1.
4. Về con chung: Không có.
5. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
6. Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của bà L đòi ông L1 phải trả số tiền 462.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng).
7. Buộc ông Lý Văn L1 có trách nhiệm giao cho bà Thái Thị Phượng L 02 (hai) chỉ vàng 24k 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí:

8.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Văn L1 phải chịu 530.000 đồng (năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thái Thị Phụng L phải chịu 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí dân sự theo Biên lai thu số 0024448 ngày 16-6-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tây Ninh. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn trả cho bà L số tiền 10.290.000 đồng (mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

8.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thái Thị Phụng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0024644 ngày 30-9-2022 của Chi cục thi thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân

